

Số: **209** /TB-PTQĐ

Quảng Trị, ngày **29** tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện Dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Đợt 4)

Thực hiện Thông báo số: 2597 /TB-UBND ngày 19/5/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại lần 1).

Căn cứ khoản 3, Điều 87, Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, điều 3 Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới tiến hành niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình

1. Địa điểm công khai: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới, Nhà văn hóa TDP Diêm Bình, TDP Đức Ninh Đông phường Đồng Hới, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường Đồng Hới và gửi trực tiếp đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

2. Thời gian công khai: 10 ngày, bắt đầu từ ngày 29 tháng 9 năm 2026 đến hết ngày 09 tháng 9 năm 2026.

3. Nội dung: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Trong thời gian thực hiện niêm yết công khai, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng có ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thì ghi ý kiến bằng văn bản (theo mẫu Phiếu lấy ý kiến đã đính kèm theo Phương án công khai) gửi về Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số 08 – Văn Cao, phường Đồng Hới – tỉnh Quảng Trị) để Trung tâm xem xét và giải quyết. Thời gian gửi về chậm nhất trước ngày 19 /8/2026.

Chi tiết liên hệ Đ/c Đặng Hữu Nhật Long – Viên chức phòng GPMB. Số ĐT: 0855.259.777

Trung tâm Phát triển quỹ đất thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng được biết, đồng thời kính đề nghị Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới tham gia phối hợp thực hiện./. *yl*

Nơi nhận:

- UBND phường Đồng Hới;
- Văn phòng HĐND-UBND phường Đồng Hới;
- Trung tâm phục vụ HCC phường Đồng Hới;
- Công ty TNHH Đầu tư 533 Miền Trung;
- Tổ trưởng TDP Diêm Bình và TDP Đức Ninh Đông;
- Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng;
- Lưu: VT, GPMB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Đăng Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CÔNG KHAI VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Công trình: Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Đợt 4)
(Kèm theo Thông báo số: 209/TB-PTQĐ ngày 29 tháng 09 năm 2026)

I. CÁC CĂN CỨ CHUNG:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực đất đai được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

✓

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 2597/TB-UBND ngày 19/5/2026 của Chủ tịch UBND phường Đồng Hới về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại lần 1);

Căn cứ Chính lý địa chính và Thống kê kết quả đo đạc công trình Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới, tại phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới tỉnh Quảng Trị) do Trung tâm PTQĐ tỉnh lập ngày 18/4/2025 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt;

Căn cứ Công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026 của UBND phường Đồng Hới Về việc xác nhận thời điểm tạo lập tài sản để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB Dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới;

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng tài sản thực tế bị ảnh hưởng, tờ khai xác nhận thời điểm tạo lập tài sản.

II. NỘI DUNG:

1. Tổng diện tích đất thu hồi:

19.207,3 m²

- Đất do UBND Phường sử dụng

5757,6 m²

Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa (LUC):

278,8 m²

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN):

3913,0 m²

+ Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):

1565,8 m²

- Đất do UBND Phường quản lý

13449,7 m²

Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa (LUC):

166,9 m²

+ Đất bằng chưa sử dụng (BCS):

54,6 m²

+ Đất công trình giao thông (DGT):

8.496,4 m²

+ Đất công trình thủy lợi (DTL):

4.731,8 m²

2. Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 32 hộ gia đình, cá nhân và 02 tổ chức có tài sản bị ảnh hưởng

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: không

4. Phương án bố trí tái định cư: Không

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Có 01 mộ của tổ chức tự sắp xếp vị trí để di dời

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không

7. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.200.881.400 đồng

Trong đó:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.200.881.400 đồng

8. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn của Nhà đầu tư

III. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:

Giá trị BT, HT: Làm tròn đến hàng trăm đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
1	Ông (bà): Hoàng Gia Bội					0	0	34.377.800	34.377.800
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thửa đất số 154-1 TĐĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.046,7						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Đa Φ > 40cm	cây	1,0	1.370.000	100%			1.370.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND (50%)
-	Hoa sữa Φ > 40cm, trồng > 4 năm	cây	1,0	198.900	100%			198.900	Mục F.12, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Hoa giấy leo giàn có 1m < chiều cao < 4m	cây	2,0	250.000	100%			500.000	Mục F20.1 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Sung nhỏ Φ 5cm - 10cm	cây	3,0	53.100	100%			159.300	Mục F2 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mưng Φ 12cm - 15cm	cây	5,0	1.090.000	100%			5.450.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mít cây từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 3	cây	2,0	281.400	100%			562.800	Mục B7, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cau cảnh bụi > 3 cây, cao > 2m	bụi	3,0	354.700	100%			1.064.100	Mục F.7 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao > 0,5m	bụi	15,0	29.700	100%			445.500	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2012 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tám đơn BTCT) KT: 5m x 2,2m x 0,3m	m3	3,3	6.830.000	80%			18.031.200	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Lát đá vỉa hè (gạch terrazzo) KT: 5m x 1m	m2	5,0	172.000	80%			688.000	Mục B.I.3.8 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Sân bê tông sạn ngang dày < 10cm, trên lán xi măng. KT: 5m x 7m	m2	35,0	211.000	80%			5.908.000	Mục B.VI.18.1 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
2	Ông (bà): Nguyễn Thị Lành					0	0	53.860.600	53.860.600
*	Số CCCD: 044160005889								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 09411220067								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 255-1 TBĐ số 14 (DGT); thửa đất số 154-1 TBĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.046,7						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Bồ đề Φ > 30cm	cây	3,0	1.370.000	100%			4.110.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
-	Sanh Φ > 30cm	cây	1,0	1.370.000	100%			1.370.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
-	Xoan Φ 20cm - 25 cm	cây	3,0	284.400	100%			853.200	Mục D2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Tấm đan BTCT KT: 7m x 1,3m x 0,1m	m3	0,9	6.830.000	80%			4.972.240	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 6,2m x 2m x 0,25m	m3	3,1	6.830.000	80%			16.938.400	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Kè xây đá hộc xanh KT: 7m x 5m x 1,3m	m3	45,5	670.000	80%			24.388.000	Mục B.VI.11 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Trụ BTCT. KT: 0,15m x 0,15m x 2m x 4 trụ	m2	0,2	8.533.000	80%			1.228.752	Mục B.VI.2 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
3	Ông (bà): Đặng Văn Trung					0	0	21.254.300	21.254.300
*	Số CCCD: 044062001512								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0975676312								
B	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thửa đất số 151-1 TĐĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.055,6						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Sung Φ 20cm	Cây	1,0	179.200	100%			179.200	Mục F2 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mưng Φ 12cm - 15cm	cây	2,0	1.090.000	100%			2.180.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mưng Φ 5cm - 8 cm	cây	1,0	140.000	100%			140.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Mưng $\Phi < 5\text{cm}$	cây	1,0	85.000	100%			85.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Xoan $\Phi 25\text{cm} - 30\text{cm}$	cây	4,0	347.600	100%			1.390.400	Mục D2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Xoan $\Phi > 30\text{cm} - 35\text{cm}$	cây	1,0	442.400	100%			442.400	Mục D2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bồ đề $\Phi 15\text{cm} - 20\text{cm}$	cây	3,0	545.000	100%			1.635.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
-	Măng cầu cây từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 6	cây	1,0	206.700	100%			206.700	Mục B11.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Me $\Phi 15\text{cm} - 20\text{cm}$ (áp dụng giá Xoài cây từ năm thứ 14 đến hết năm thứ 17)	cây	1,0	588.300	100%			588.300	Mục B 13.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bưởi nhỏ	cây	2,0	67.000	100%			134.000	Mục B 1.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bưởi cây từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 3	cây	1,0	317.800	100%			317.800	Mục B 1.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Đinh lăng >1 năm cao $>0,5\text{m}$	cây	3,0	29.700	100%			89.100	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao $> 0,5\text{m}$	bụi	24,0	29.700	100%			712.800	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Chuối có buồng chưa thu hoạch	cây	3,0	117.100	100%			351.300	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Chuối chưa có buồng	cây	15,0	66.500	100%			997.500	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Chuối mới trồng	cây	22,0	32.900	100%			723.800	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2009 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 3,7m x 2,2m x 0,2m	m3	1,6	6.830.000	80%			8.895.392	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 4m x 1m x 0,1m	m3	0,4	6.830.000	80%			2.185.600	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
4	Ông (bà): Đặng Trung Kiên					0	0	13.703.700	13.703.700
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 255-1 TBĐ số 14 (DGT); thửa đất số 151-1 TBĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.055,6						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 5,7m x 2,2m x 0,2m	m3	2,5	6.830.000	80%			13.703.712	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
5	Ông (bà): Đặng Văn Cương					0	0	9.190.400	9.190.400
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2011 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT) đất do UBND phường quản lý	m2	3.029,1						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 2,9m x 2,9m x 0,2m	m3	1,7	6.830.000	80%			9.190.448	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
6	Ông (bà): Đặng Thị Kim Quý					0	0	16.499.100	16.499.100
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2004 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thửa đất số 150-1 TĐĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.053,2						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 5m x 2,3m x 0,2m	m3	2,3	6.830.000	80%			12.567.200	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Lát đá vỉa hè (gạch terrazzo) KT: 5m x 2,3m	m2	11,5	172.000	80%			1.582.400	Mục B.I.3.8 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 4,3m x 1m x 0,1m	m3	0,4	6.830.000	80%			2.349.520	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
7	Ông (bà): Đặng Thị Tâm					0	0	19.353.500	19.353.500
*	Số CCCD: 044087000531								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0855133689								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 255-1 TBĐ số 14 (DGT); thửa đất số 141-1 TBĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.130,1						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT1: 7,7m x 2,3m x 0,2m	m3	3,5	6.830.000	80%			19.353.488	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
8	Ông (bà): Hoàng Thị Dương					0	0	31.629.100	31.629.100
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 255-1 TBĐ số 14 (DGT); thửa đất số 141-1 TBĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.130,1						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Trứng cá Φ>25cm (áp giá tương tự Bàng, Phượng, Bàng lăng, Hoa sữa, Ngô Đồng...)	cây	2,0	198.900	100%			397.800	Mục F.12, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mưng Φ 20cm - 25cm	cây	2,0	1.090.000	100%			2.180.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bồ đề Φ 8cm - 12cm	cây	1,0	270.000	100%			270.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Bồ đề $\Phi > 30\text{cm}$	cây	1,0	1.370.000	100%			1.370.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
-	Xoan Φ 6cm - 8cm	cây	1,0	26.500	100%			26.500	Mục D2.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây hoa sữa $\Phi > 30\text{cm}$	cây	1,0	198.900	100%			198.900	Mục F.12, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây hoa sữa Φ 12cm - 15cm	cây	1,0	198.900	100%			198.900	Mục F.12, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây bóng mát $\Phi > 30\text{cm}$ (áp giá tương tự Bàng, Phượng, Bàng lằng, Hoa sữa, Ngô Đồng...)	cây	1,0	198.900	100%			198.900	Mục F.12, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Đu đủ trồng phân tán cây từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 3	cây	1,0	76.200	100%			76.200	Mục B6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao $> 0,5\text{m}$	bụi	20,0	29.700	100%			594.000	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2012 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 7m x 2,2m x 0,2m	m3	3,1	6.830.000	80%			16.829.120	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 17m x 1m x 0,1m	m3	1,7	6.830.000	80%			9.288.800	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
9	Ông (bà): Mai Thị Hồng Đào					0	0	18.935.200	18.935.200
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Thửa đất số 255-1 TBĐ số 14 (DGT); thửa đất số 141-1 TBĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.130,1						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Bồ đề Φ >30cm	cây	1,0	1.370.000	100%			1.370.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
	Cây hoa sữa Φ > 30cm	cây	1,0	198.900	100%			198.900	Mục F.12, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
	Sung Φ 10cm	cây	4,0	119.400	100%			477.600	Mục F2 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
	Sanh Φ 20cm -25cm	cây	1,0	545.000	100%			545.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
	Mưng Φ 12cm - 15cm	cây	1,0	1.090.000	100%			1.090.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
	Mưng Φ 15cm-20cm	cây	1,0	1.090.000	100%			1.090.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
	Mưng Φ 20cm-25cm	cây	1,0	1.090.000	100%			1.090.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao > 0,5m	bụi	10,0	29.700	100%			297.000	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 4m x 2,2m x 0,2m	m3	1,8	6.830.000	80%			9.616.640	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 4,4m x 1m x 0,1m	m3	0,4	6.830.000	80%			2.404.160	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Trụ BTCT. KT: 0,15m x 0,15m x 1m x 5 trụ	m3	0,1	8.399.000	80%			755.910	Mục B.VI.2 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
10	Ông (bà): Trần Đức Duy					0	0	21.271.200	21.271.200
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thửa đất số 141-1 TĐĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.130,1						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Ồi cây từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 4	cây	2,0	423.200	100%			846.400	Mục B.15, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Khế cây từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 8	cây	1,0	1.145.400	100%			1.145.400	Mục B.16, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mung Φ 20cm	cây	3,0	1.090.000	100%			3.270.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Sung Φ 10cm	cây	5,0	119.400	100%			597.000	Mục F2 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao > 0,5m	bụi	20,0	29.700	100%			594.000	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2011 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tầm đan BTCT) KT: 4,8m x 2,2m x 0,2m	m3	2,1	6.830.000	80%			11.539.968	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Tấm đan BTCT KT: 6m x 1m x 0,1m	m3	0,6	6.830.000	80%			3.278.400	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
11	Ông (bà): Đỗ Ngọc Khiển					0	0	8.917.200	8.917.200
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thửa đất số 141-1 TĐĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.130,1						
-	Tấm đan BTCT KT: 13,6m x 1,2m x 0,1m	m3	1,6	6.830.000	80%			8.917.248	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
12	Ông (bà): Nguyễn Thị Hồng Kiều					0	0	17.834.500	17.834.500
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thửa đất số 97-1 TĐĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.072,3						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Tấm đan BTCT KT: 17,2m x 1,2m x 0,1m	m3	2,1	6.830.000	80%			11.277.696	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 4m x 1,5m x 0,2m	m3	1,2	6.830.000	80%			6.556.800	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
13	Ông (bà): Nguyễn Thị Hồng Thiều					0	0	19.539.300	19.539.300
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
<u>A</u>	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2012 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 255-1 TBĐ số 14 (DGT); thửa đất số 97-1 TBĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.072,3						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT1: 3,6m x 2,2m x 0,3m	m3	2,4	6.830.000	80%			12.982.464	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	KT2: 4m x 1,5m x 0,2m	m3	1,2	6.830.000	80%			6.556.800	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
14	Hộ ông (bà): Trần Thị Dịu					0	0	32.023.600	32.023.600
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
<u>A</u>	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 255-1 TBĐ số 14 (DGT); thửa đất số 97-1 TBĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	3.072,3						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Mung Φ 12cm - 15cm	cây	2,0	1.090.000	100%			2.180.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Sanh Φ 10cm	cây	2,0	270.000	100%			540.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
-	Bồ đề Φ > 30 cm	cây	1,0	1.370.000	100%			1.370.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
-	Bồ đề Φ 20 cm - 25cm	cây	1,0	545.000	100%			545.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
-	Cau cảnh bụi > 3 cây, cao > 2m	bụi	2,0	354.700	100%			709.400	Mục F.7 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Tấm đan BTCT. KT: 0,9m x 0,25m x 3,7m	m3	0,8	6.830.000	80%			4.548.780	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Trụ BTCT. KT: 0,25m x 0,25m x 0,3m x 4 trụ	m3	0,1	8.399.000	80%			503.940	Mục B.VI.2 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 5,6m x 2,4m x 0,2m	m3	2,7	6.830.000	80%			14.687.232	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 12,7 m x 1m x 0,1 m	m3	1,3	6.830.000	80%			6.939.280	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
15	Ông (bà): Đặng Anh Thế					0	0	28.188.600	28.188.600
*	Số CCCD: 044052002827								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	<i>Số điện thoại: 0348650133</i>								
<u>A</u>	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	<i>Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2011 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024</i>								
*	<i>Thừa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thừa đất số 97-1 TĐĐ số 14 (DTL) đất do UBND phường quản lý</i>	<i>m2</i>	<i>3.072,3</i>						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 5,5m x 2,4m x 0,25m	<i>m3</i>	<i>3,3</i>	6.830.000	80%			18.031.200	<i>Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND</i>
-	Lát đá vỉa hè (gạch terrazzo) KT: 5,5m x 2,4m	<i>m2</i>	<i>13,2</i>	172.000	80%			1.816.320	<i>Mục B.I.3.8 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND</i>
-	Tấm đan BTCT KT: 8,8 m x 1m x 0,1 m	<i>m3</i>	<i>0,9</i>	6.830.000	80%			4.808.320	<i>Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND</i>
-	Ống BTCT Ø 40cm	<i>m</i>	<i>8,0</i>	552.000	80%			3.532.800	<i>Mục B.VI.37 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND</i>
16	Ông (bà): Đặng Đình Tứ					0	0	20.326.100	20.326.100
*	<i>Số CCCD:</i>								
*	<i>Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới</i>								
*	<i>Số điện thoại:</i>								
<u>A</u>	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	<i>Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024</i>								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT); thửa đất số 70-1 TĐĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.217,0						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 6,2m x 2,4m x 0,25m	m3	3,7	6.830.000	80%			20.326.080	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
17	Ông (bà): Đặng Văn Doang - Bùi Thị Thê					0	0	44.031.200	44.031.200
*	Số CCCD: 044173009939								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0976581131								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT); thửa đất số 70-1 TĐĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.217,0						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 5m x 2,2m x 0,2m	m3	2,2	6.830.000	80%			12.020.800	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 28m x 1m x 0,1m	m3	2,8	6.830.000	80%			15.299.200	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Sân bê tông sạn ngang dày < 10cm, trên lán xi măng KT: 3m x 33m	m2	99,0	211.000	80%			16.711.200	Mục B.VI.18.1 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
18	Ông (bà): Hoàng Thị Duyệt					0	0	29.649.100	29.649.100
*	Số CCCD: 044155005508								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0905282299								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2003 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 70-1 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.217,0						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 3m x 2m x 0,25m	m3	1,5	6.830.000	80%			8.196.000	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Sân bê tông sạn ngang dày < 10cm, trên lán xi măng KT: 21m x 3m	m2	63,0	211.000	80%			10.634.400	Mục B.VI.18.1 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 16,5m x 1,2m x 0,1m	m3	2,0	6.830.000	80%			10.818.720	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
19	Ông (bà): Đặng Văn Duận					0	0	13.757.200	13.757.200
*	Số CCCD: 044078001622								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0847775666								
<u>A</u>	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 70-1 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.217,0						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Mưng Φ 25cm	cây	1,0	1.090.000	100%			1.090.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Hoa giấy leo giàn có 1m < chiều cao < 4m	cây	4,0	250.000	100%			1.000.000	Mục F20.1 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao > 0,5m	bụi	10,0	29.700	100%			297.000	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2003 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Tấm đan BTCT KT: 10,8m x 1m x 0,1m	m3	1,1	6.830.000	80%			5.901.120	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Sân bê tông sạn ngang dày < 10cm, trên lán xi măng. KT:10,8m x 3m	m2	32,4	211.000	80%			5.469.120	Mục B.VI.18.1 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ- UBND
20	Ông (bà): Đặng Văn Biên - Nguyễn Thị Hà					0	0	27.757.100	27.757.100
*	Số CCCD: 044163007762								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0825423237								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT); thửa đất số 70-1 TĐĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.217,0						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 5m x 2,3m x 0,2m	m3	2,300	6.830.000	80%			12.567.200	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 27,8m x 1m x 0,1m	m3	2,780	6.830.000	80%			15.189.920	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
21	Ông (bà): Đặng Văn Kiệm					0	0	12.359.600	12.359.600
*	Số CCCD: 044053000784								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Số điện thoại: 0795736275								
<u>A</u>	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2011 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 60-2 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.195,1						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tầm đan BTCT)								
+	KT1: 3,7m x 1,3m x 0,15m	m3	0,7215	6.830.000	80%			3.942.276	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	KT2: 4,5m x 1,3m x 0,15m	m3	0,8775	6.830.000	80%			4.794.660	Mục B.VI.2 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	KT3: 3,4m x 1,3m x 0,15m	m3	0,6630	6.830.000	80%			3.622.632	Mục B.VI.2 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
22	Ông (bà): Đoàn Quyền - Bùi Thị Dịu					0	0	10.381.600	10.381.600
*	Số CCCD: 044175011444								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0912391771								
<u>A</u>	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.232,8						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Tấm đan BTCT KT: 19m x 1m x 0,1m	m3	1,9	6.830.000	80%			10.381.600	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
23	Ông (bà): Đoàn Hồng Trường					0	0	8.196.000	8.196.000
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2006 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TĐĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.232,8						
-	Tấm đan BTCT KT: 15m x 1m x 0,1m	m3	1,5	6.830.000	80%			8.196.000	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
24	Ông (bà): Đặng Thị Gái					0	0	112.422.200	112.422.200
*	Số CCCD: 044168002196								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0382662037								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TĐĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.232,8						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Mưng Φ 20cm	cây	8,0	1.090.000	100%			8.720.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Xoan Φ 30cm - 35cm	cây	1,0	442.400	100%			442.400	Mục D.2.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cau vua cây Φ <20cm	cây	1,0	309.000	100%			309.000	Mục F.8 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Đào Φ > 15cm	cây	3,0	179.200	100%			537.600	Mục F.2 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao > 0,5m	bụi	14,0	29.700	100%			415.800	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 1993 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.232,8						
-	Kè xây đá hộc xanh KT: 70m x 1,6m x 0,5m	m3	56,0	670.000	80%			30.016.000	Mục B.VI.11 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Sân bê tông sạn ngang dày < 10cm, trên lán xi măng. KT: 70m x 4m	m2	280,0	211.000	80%			47.264.000	Mục B.VI.18.1 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 10m x 1,3m x 0,2m	m3	2,6	6.830.000	80%			14.206.400	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 17,6m x 1m x 0,1m	m3	1,8	6.830.000	80%			9.616.640	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Lát đá vỉa hè (gạch terrazzo) KT: 5m x 1,3m	m2	6,5	172.000	80%			894.400	Mục B.I.3.8 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
25	Ông (bà): Đặng Văn Nghị					0	0	44.070.300	44.070.300
*	Số CCCD: 044070007482								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0977381909								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.232,8						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Mung Φ 20cm	cây	4,0	1.090.000	100%			4.360.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
	Cây cảnh dạng bụi > 1 năm cao > 0,5m	bụi	4,0	29.700	100%			118.800	Mục F.10 PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT)								Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	KT1: 4,4m x 2,1m x 0,2m	m3	1,8	6.830.000	80%			10.097.472	
+	KT2: 3,5m x 2,1m x 0,2m	m3	1,5	6.830.000	80%			8.032.080	
+	KT3: 2,5m x 2,1m x 0,2m	m3	1,1	6.830.000	80%			5.737.200	
-	Tấm đan BTCT KT: 5,3m x 1m x 0,1m	m3	0,5	6.830.000	80%			2.895.920	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Sân bê tông sạn ngang dày < 10cm, trên lán xi măng KT: 19m x 4m	m2	76,0	211.000	80%			12.828.800	Mục B.VI.18.1 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
26	Ông (bà): Nguyễn Văn Ly					0	0	3.442.300	3.442.300
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0708046284								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TĐĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.232,8						
-	Tấm đan BTCT KT: 6,3m x 1m x 0,1m	m3	0,6	6.830.000	80%			3.442.320	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
27	Ông (bà):Nguyễn Văn Thiềng					0	0	10.795.700	10.795.700
*	Số CCCD: 044075015395								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0368437795								
A	Hỗ trợ về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TĐĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	2.232,8						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Bồ đề Φ> 30 cm	cây	2,0	1.370.000	100%			2.740.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND(50%)
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2002 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Sân bê tông sạn ngang dày < 10cm, trên lán xi măng. KT: 3,7m x 1,7m	m2	6,3	211.000	80%			1.061.752	Mục B.VI.18.1 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 4m x 1,6m x 0,2m	m ³	1,3	6.830.000	80%			6.993.920	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
28	Ông (bà): Nguyễn Văn Vè					0	0	5.751.800	5.751.800
*	Số CCCD: 044070002421								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0353567137								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m ²	2.232,8						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Mưng Φ 8-12cm	cây	2,0	540.000	100%			1.080.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2001 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 147-2 TBĐ số 13 (DGT); thửa đất số 6-1 TBĐ số 13 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m ²	2.232,8						
-	Tấm đan BTCT KT: 5,2m x 1m x 0,1m	m ³	0,5	6.830.000	80%			2.841.280	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Bậc tam cấp xây gạch KT: 2,7m x 0,4m x 0,6m	m ³	0,6	3.531.000	80%			1.830.470	Mục B.III.3 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
29	Ông (bà): Đỗ Văn Kiến					0	0	7.605.900	7.605.900
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0799149257								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2000 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 197-3 TBĐ số 9 (DGT); thửa đất số 408-2 TBĐ số 9 (DTL) đất do UBND phường quản lý	m2	550,4						
-	Cầu vào nhà bằng BTCT (Tấm đan BTCT) KT: 4,2m x 1,3m x 0,2m	m3	1,1	6.830.000	80%			5.966.688	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Tấm đan BTCT KT: 3m x 1m x 0,1m	m3	0,3	6.830.000	80%			1.639.200	Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
30	Ông (bà):Trần Minh Ký					0	0	104.300.400	104.300.400
*	Số CCCD: 044052000311								
*	Địa chỉ: TDP Đức Điền, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0917978016								
A	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 403-1 TBĐ số 9 (CLN), đất do UBND phường quản lý	m2	3.913,0						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Bạch đàn đường kính 12cm<Φ ≤ 15cm	Cây	127,0	34.000	100%			4.318.000	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bạch đàn đường kính 15cm<Φ ≤ 20cm	Cây	124,0	158.000	100%			19.592.000	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bạch đàn đường kính 20cm<Φ ≤ 25cm	Cây	40,0	284.400	100%			11.376.000	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Bạch đàn đường kính 25cm < Φ ≤ 30cm	Cây	45,0	347.600	100%			15.642.000	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bạch đàn đường kính 30cm < Φ ≤ 35cm	Cây	32,0	442.400	100%			14.156.800	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bạch đàn đường kính 35cm < Φ ≤ 40cm	Cây	19,0	600.400	100%			11.407.600	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Bạch đàn đường kính Φ > 40cm	Cây	22,0	1.264.000	100%			27.808.000	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
31	Ông (bà): Hoàng Văn Bằng					0	176.368.900	37.000.400	213.369.300
*	Số CCCD: 044059001451								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Trung, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0975698021								
A	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 172-1 TĐĐ số 8 (NTS), đất do UBND phường quản lý cho thuê theo hợp đồng	m2	813,5						
-	Đào đất đắp tại chỗ:								Mục B.VI.29 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	KT1: 3,5m x 14m x 2m	m3	98,0	95.000	100%		9.310.000		
+	KT2: 4m x 30m x 2m	m3	240,0	95.000	100%		22.800.000		
+	KT3: 33m x 4m x 2m	m3	264,0	95.000	100%		25.080.000		
-	Đào ao đất cấp I, cấp II sâu 1,5m diện tích ao > 300m2	m2	512,5	28.000	100%		14.350.000		Mục B.VI.35 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
-	Nuôi cá trắm đen từ 100 ngày đến 200 ngày	m2	512,5	52.500	100%		26.906.250		Mục I.9, PL II, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
*	Thửa đất số 218 TĐĐ số 8 (NTS), đất do UBND phường quản lý cho thuê theo hợp đồng	m2	752,3						
-	Đào đất đắp tại chỗ:								Mục B.VI.29 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	KT1: 2,5m x 30m x 1,5m	m3	112,5	95.000	100%		10.687.500		
+	KT2: 2,5m x 15m x 1,5m	m3	56,3	95.000	100%		5.343.750		
+	KT3: 2,5m x 35m x 1,5m	m3	131,3	95.000	100%		12.468.750		
+	KT4: 2,5m x 25m x 1,5m	m3	93,8	95.000	100%		8.906.250		
+	KT 5 : 5m x 15m x 1m	m3	75,0	95.000	100%		7.125.000		
-	Đào ao đất cấp I, cấp II sâu 1,5m diện tích ao > 300m2	m2	414,8	28.000	100%		11.614.400		Mục B.VI.35 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
	Nuôi cá trắm đen từ 100 ngày đến 200 ngày	m2	414,80	52.500	100%		21.777.000		Mục I.9, PL II, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
B	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 172-1 TBĐ số 8 (NTS), đất do UBND phường quản lý cho thuê theo hợp đồng	m2	813,5						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Chuối có buồng chưa thu hoạch	cây	25,0	117.100	100%			2.927.500	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Chuối chưa có buồng	cây	50,0	66.500	100%			3.325.000	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Chuối mới trồng	cây	60,0	32.900	100%			1.974.000	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mưng Φ 20cm - 25cm	cây	2,0	1.090.000	100%			2.180.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mưng Φ 15cm - 20cm	cây	2,0	1.090.000	100%			2.180.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Mưng Φ 12cm - 15cm	cây	4,0	1.090.000	100%			4.360.000	Mục F.6.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2013 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
-	Chuồng heo xây gạch cao <2,5m; nền láng xi măng (hiện trạng không có mái lợp). KT: 3m x 10m	m2	30,0	718.000	80,0%			17.232.000	Mục B.VI.50.3 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	Trừ mái Fibro xà gồ gỗ nhóm 5,6 KT: 3m x 10m	m2	30,0	-168.000	80,0%			-4.032.000	Mục B.VI.45.15 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
*	Thửa đất số 218 TBĐ số 8 (NTS), đất do UBND phường quản lý cho thuê theo hợp đồng	m2	752,3						
*	Hỗ trợ tài sản là cây cối, hoa màu trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường, Mức hỗ trợ 100% theo đơn giá của UBND tỉnh (Quy định tại khoản 10 điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)								
-	Chuối có buồng chưa thu hoạch	cây	10,0	117.100	100%			1.171.000	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Chuối chưa có buồng	cây	25,0	66.500	100%			1.662.500	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Chuối mới trồng	cây	50,0	32.900	100%			1.645.000	Mục B 4.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Ỗi cây từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 4	cây	4,0	423.200	100%			1.692.800	Mục B.15, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Măng cầu cây từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 4	cây	2,0	120.100	100%			240.200	Mục B11.1, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Keo Φ 15 cm - 20cm	cây	1,0	158.000	100%			158.000	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
-	Keo Φ 20cm - 25cm	cây	1,0	284.400	100%			284.400	Mục D 2.10, PL I, QĐ số 12/2025/QĐ-UBND
32	Ông (bà): Hoàng Thị Vui					0	1.541.200	3.112.200	4.653.400

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Số CCCD: 044070002421								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0353567137								
A	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 107-1, 108-1, 109-1 TĐĐ số 8 (LUC) đất do UBND phường sử dụng	m2	278,8						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	164,0	9.400			1.541.245		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
B	<u>Hỗ trợ về tài sản trên đất</u>								
*	Hỗ trợ công trình xây dựng khác được xây dựng năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo công văn số 5742/UBND-KTHTĐT ngày 23/9/2026, trên đất không đủ điều kiện bồi thường, khi xây dựng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có thông báo không được phép xây dựng, không lập biên bản đình chỉ. Mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại điểm a, khoản 8, điều 15, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị và Điểm a, Khoản 2, Điều 102, Luật đất đai năm 2024								
*	Thửa đất số 244-2 TĐĐ số 8 (DGT) do UBND phường quản lý	m2	51,2						
-	Đê giao thông: Đào đắp đất tại chỗ. KT: 21m x 1,5m x 1,3m	m3	41,0	95.000	80%			3.112.200	Mục B.VI.29 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
33	TDP Đức Ninh Đông - Đại diện ông : Nguyễn Xuân Nam - Tổ trưởng TDP					0	40.227.200	4.800.000	45.027.200
*	Số CCCD: 044090002138								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
A	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
*	Thửa đất số 197-3 TĐĐ số 9 (DGT); thửa đất số 255-1 TĐĐ số 14 (DGT); thửa đất số 147-2 TĐĐ số 13 (DGT), thửa đất số 60-1 TĐĐ số 13(DTL) đất do UBND phường quản lý	m ²	5.735,6						
-	Tầm đan BTCT								Mục B.VI.4 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	KT1: 4,5m x 1m x 0,1m	m ³	0,45	6.830.000	100%		3.073.500		
+	KT2: 2m x 1m x 0,1m	m ³	0,20	6.830.000	100%		1.366.000		
+	KT3: 7m x 1m x 0,1m	m ³	0,70	6.830.000	100%		4.781.000		
+	KT4: 6 m x 1m x 0,1m	m ³	0,60	6.830.000	100%		4.098.000		
+	KT5: 7m x 1m x 0,25m	m ³	1,75	6.830.000	100%		11.952.500		
+	KT6: 4m x 1m x 0,1m	m ³	0,40	6.830.000	100%		2.732.000		
+	KT7: 6,4m x 1m x 0,1m	m ³	0,64	6.830.000	100%		4.371.200		
*	Thửa đất số 403-1 TĐĐ số 9 do UBND phường quản lý (bổ sung thêm 01 mộ)	m ²	3.913,0						
-	Mộ đắp đất đường kính năm 1m, đã cải táng, chôn cất trên 7 năm	mộ	1,0	2.853.000	100%		2.853.000		Mục 2,1, PL.II -QĐ số 23/QĐ-UBND
-	Chi phí môi trường và Chi phí hợp lí khác đối với mộ Mộ chôn cất trên 7 năm	mộ	1,0	5.000.000	100%		5.000.000		Mục 6.2, PL.II -QĐ số 23/QĐ-UBND
B	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								
-	Hỗ trợ chi phí tâm linh khi di dời mồ mã từ mộ thứ hai trở lên	mộ	1,0	800.000	100%			800.000	Điều 15 -QĐ số 30/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ khi tự thu xếp vị trí tại khu vực đô thị	mộ	1,0	3.000.000	100%			3.000.000	Điều 4- QĐ số 23/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ di chuyển mồ mã đi nơi khác phạm vi > 1km	mộ	1,0	1.000.000	100%			1.000.000	Mục 3.6, PL.IV -QĐ số 23/QĐ-UBND
34	Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Đức Ninh Đông - Đại diện ông: Trần Thắng - Giám đốc					0	136.406.900	0	136.406.900
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, Phường Đồng Hới								
*	Người đại diện: Trần Thắng - Giám đốc								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Số CCCD: 04416600731								
-	Số điện thoại: 0387306158								
A	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 147-2 ; 255-1; 197-3; 197-1; 146-1; 140-1; 285-1 TBĐ số 8,9 13, 14 (DGT) thửa đất số 154-1; 151-1; 150-1; 141-1; 97-1; 70-1; 60-1; 6-1; 408-2; 408-1; 139-1; 448-1 TBĐ số 8,9,13,14(DTL) do UBND phường quản lý	m2	7.819,2						
-	Đào đất đắp tại chỗ (đắp đường giao thông nội đồng)								Mục B.VI.29 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	KT1: 3,8m x 1,2m x 85m	m3	387,6	95.000			36.822.000		
+	KT2: 1,7m x 1,2m x 80m	m3	163,2	95.000			15.504.000		
+	KT3: 1,9m x 1,2m x 72m	m3	164,2	95.000			15.595.200		
+	KT4: 1,2m x 1,2m x 54m	m3	77,8	95.000			7.387.200		
+	KT5: 1,7m x 1,2m x 112m	m3	228,5	95.000			21.705.600		
-	Đào đất đắp tại chỗ (mương dẫn nước)								Mục B.VI.29 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
+	KT1: 1m x 0,8m x 58m	m3	46,4	95.000			4.408.000		
+	KT2: 1m x 0,8m x 112m	m3	89,6	95.000			8.512.000		
+	KT3: 0,8m x 1m x 71m	m3	56,8	95.000			5.396.000		
+	KT4: 0,8m x 1m x 84m	m3	67,2	95.000			6.384.000		
+	KT5: 1,2m x 1m x 58m	m3	69,6	95.000			6.612.000		
-	Đổ đá cấp phối trên đường giao thông								
+	KT1: 0,1m x 3,8m x 85m	m3	32,3	140.400			4.534.920		Bảng giá VLXD+8% VAT
+	San ủi mặt bằng	m3	32,3	17.000			549.100		Mục B.VI.36 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Tổng cộng (đồng)
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
+	KT2: 0,1m x 1,7m x 112m	m3	19,0	140.400			2.673.216		Bảng giá VLXD+8% VAT
+	San ủi mặt bằng	m3	19,0	17.000			323.680		Mục B.VI.36 PL I, QĐ số 23/2026/QĐ-UBND
Tổng						0	354.544.200	846.337.200	1.200.881.400

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm đồng) 21

Trong đó:

- Bồi thường về đất:

0 đồng

- Bồi thường về tài sản trên đất:

354.544.200 đồng

- Các khoản hỗ trợ khác:

846.337.200 đồng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH QUẢNG TRỊ